TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI
Địa chỉ: 43 Lý Nam Đế, P Trà Bá, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai
ĐT: (84.59) 3829.021 ; Fax: (84.59) 3829.021
Website: http://www.station.duclonggroup.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2009

Pleiku, tháng 03/2010

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý Cổ đông và quý Nhà đầu tư !

Trong năm 2009, nền kinh tế Việt Nam đã bước đầu vượt qua khỏi thời kỳ khó khăn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu xảy ra từ đầu năm 2008, nhưng các yếu tố vĩ mô vẫn chưa ổn định và chưa tạo được lực đủ mạnh để đưa nền kinh tế trở lại giai đoạn phát triển. Ngay từ những tháng đầu năm 2009, Chính phủ đã áp dụng các chính sách kích cầu và mở rộng tiền tệ để tạo lực đẩy cho nền kinh tế. Điều này đã giúp cho các ngành sản xuất, dịch vụ, tài chính ngân hàng, bất động sản… dần dần hồi phục, các doanh nghiệp bắt đầu có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, vào những tháng cuối năm năm 2009, tình hình nền kinh tế bắt đầu có dấu hiệu lạm phát cao dẫn đến việc Chính phủ phải thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt; Ngân hàng nhà nước tăng lãi suất cơ bản đồng Việt Nam làm cho dòng tiền trong nền kinh tế giảm đi đáng kể. Lãi suất huy động và lãi suất cho vay của các NHTM tăng lên, động thái này góp phần kiềm chế lạm phát nhưng đồng thời cũng kìm hãm đà phục hồi của nền kinh tế, của các doanh nghiệp.

Bằng những kinh nghiệm quý báu tích lũy được trong quá trình điều hành Công ty, đặc biệt là những kinh nghiệm có được từ năm 2008, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã tận dụng tốt cơ hội để mang lại thành công cho năm 2009 và tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển trong những năm sau. Kết quả Doanh thu đạt 15,3 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 5,3 tỷ đồng là một thành tựu rất đáng tự hào mà toàn thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (DLGL INDPS) đã nỗ lực tạo ra.

Với đà thắng lợi, DLGL INDPS xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2010 với doanh thu đạt 22,5 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 8,5 tỷ đồng (đã tính đến kết quả hợp nhất của bến xe Bảo Lộc), tăng 47% về doanh thu và 80,9% về lợi nhuận so với năm 2009. Cơ cấu doanh thu lợi nhuận năm 2010 vẫn chủ yếu là

ngành cung cấp dịch vụ bến xe bãi đỗ, cho thuê Kios, hoa hồng bán vé… ngoài ra trong năm 2010 Công ty sẽ có thêm nguồn thu từ lợi nhuận của Bến xe bảo Lộc và bến xe Đức Long Gia Lai mở rộng. Với cơ cấu này, dần dần sẽ tạo tính ổn định để Công ty tiếp tục thực hiện đầu tư vào các dự án bến xe mới tại các tỉnh Tây Nguyên và Miền Trung.

Về chiến lược phát triển dài hạn, DLGL INDPS kiên trì theo đuổi chính sách nhất quán là mở rộng hệ thống bến xe của mình ra toàn quốc. Dưới sự lãnh đạo về chủ trương của Hội đồng quản trị Tập đoàn Đức Long Gia Lai (Công ty mẹ), DLGL INDPS sẽ không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ để nhân rộng mô hình của mình để tích lũy và gia tăng giá trị cho Cổ đông. Mục tiêu của DLGL INDPS là phát triển các ngành nghề truyền thống cốt lõi, linh hoạt trong chiến lược để đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Chiến lược phát triển dài hạn của DLGL INDPS được xây dựng trên chủ trương chỉ đạo của Công ty mẹ kết hợp với sự tính toán kỹ lưỡng của lãnh đạo Công ty. Chúng tôi cam kết sẽ theo duổi mục tiêu này đến cùng để mang lại lợi ích to lớn nhất cho Cổ đông nói riêng và xã hội nói chung. Những thành quả đạt được trong năm 2009 và các năm trước đây là minh chứng bước đầu cho cam kết này.

Thay mặt cho toàn thể cán bộ, công nhân viên. Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý cổ đông và các nhà đầu tư đã hết sức ủng hộ và tin tưởng vào Đức Long Gia Lai nói chung và Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai nói riêng.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Đã ký)

NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị 3
Giới thiệu về công ty 5
Lịch sử hoạt động của công ty 5
Những sự kiện quan trọng 5
Quá trình phát triển 6
Định hướng phát triển 9
Báo cáo của Hội đồng quản trị 11
Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 11
Tình hình thực hiện so với kế hoạch 11
Những thay đổi chủ yếu trong năm 11
Triển vọng và kế hoạch trong tương lai 12
Báo cáo của Ban giám đốc 13
Báo cáo tình hình tài chính 13
Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 16
Những tiến bộ Công ty đã đạt được 20
Kế hoạch phát triển trong tương lai 21
Báo cáo tài chính 22
Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán 30
Kiểm toán độc lập 45
Kiểm toán nội bộ 46
Các công ty có liên quan 46
Công ty mẹ 46
Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan 47
Tổ chức nhân sự 48
Cơ cấu tổ chức của DLGL INDPS 48
Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành 49
Thông tin về cổ đông và quản trị công ty 52
Kết luận 62

I. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY:

- **Tên doanh nghiệp:** CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI.
- **Tên tiếng nước ngoài:** DucLong GiaLai Investment and Developtment of Public project Service JSC.
- **Tên viết tắt: DLGL INDPS**
- **Trụ sở chính:** 43 Lý Nam Đế, P. Trà Bá, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- **Điện thoại**: (84.59) 3829.021 Fax: (84.59) 3829.021.
- **Email:** *busstation@dlglgroup.com*
- **Website:** http://www.station.duclonggroup.com
- **Mã chứng khoán: DL1**
- **Vốn điều lệ (tính đến ngày 31/12/2009):** 15.000.000.000 đồng (mười lăm tỷ đồng).
- **Năm báo cáo :** Năm 2009.

II. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Những sự kiện quan trọng:

+ **Việc thành lập:** Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai (tiền thân là Bến Xe Đức Long Gia Lai) là doanh nghiệp tư nhân hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, là đơn vị thành viên của Tập Đoàn Đức Long Gia Lai, được thành lập vào ngày 21/12/2007 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000170 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp đăng ký lần đầu ngày 21/12/2007; thay đổi lần thứ 4 ngày 16/10/2009.

+ **Niêm yết:** ngày 10/03/2010, Công ty chính thức niêm yết 1.500.000 cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hà Nội (HNX) với mã Chứng khoán là DL1.

+ **Các sự kiện khác:** Ngày 29/10/2009, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành công ty đại chúng.

2. Quá trình phát triển:

+ **Ngành nghề kinh doanh:**

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
- Vận tải hành khách bằng xe buýt
- Vận tải hành khách theo tuyến cố định
- Vận tải hàng hóa
- Đầu tư các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước
- Dịch vụ ăn uống khác
- Đại lý mua bán chất bôi trơn, làm sạch động cơ
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Buôn bán tổng hợp
- Hoạt động vui chơi giải trí
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe
- Cho thuê văn phòng
- Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng
- Vận tải hành khách theo hợp đồng
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải

+ **Tình hình hoạt động:**

- **Hoạt động sản xuất kinh doanh:** Trong năm 2009, DLGL INDPS tiếp tục điều hành an toàn và khai thác hiệu quả mô hình bến xe tư nhân của mình. Mặc dù thị trường có nhiều khó khăn biến động, tuy nền kinh tế đang có dấu hiệu thoát khỏi khủng hoảng nhưng tiềm ẩn bên trong là nguy cơ lạm phát cao đã thúc đẩy Chính phủ đưa ra các chính sách hạn chế tín dụng nhằm kiềm chế lạm

phát. Các ngân hàng thương mại tăng lãi suất huy động và lãi suất cho vay đã làm ảnh hưởng tới sự phát triển chung của các doanh nghiệp. Việc giá xăng dầu liên tiếp tăng đã làm cho các hãng vận tải liên tiếp cắt giảm chuyến để bảo tồn lợi nhuận. Từ những nguyên nhân ấy, Doanh thu và lợi nhuận của Công ty cũng ảnh hưởng theo. Tuy nhiên, năm 2009 Công ty vẫn đạt được mức Doanh thu và lợi nhuận đề ra, Công ty đã phục vụ được 648.960 lượt khách qua bến tương đương với 48.240 lượt xe bình quân qua bến. Có thể nói rằng hoạt động kinh doanh bến xe bãi đỗ là mảng hoạt động mang lại doanh thu và lợi nhuận chính cho doanh nghiệp.

Ngoài ra trong năm 2009 Công ty còn vận hành tốt hệ thống xe buýt vận tải hành khách công cộng tại các tuyến nội tỉnh Gia Lai góp phần giải quyết vấn đề giao thông công cộng của tỉnh nhà. Trong năm 2009 Công ty đầu tư mua thêm 06 chiếc xe buýt để bổ sung cho các tuyến liên huyện để giải quyết nhu cầu giao thông công cộng cho nhân dân và học sinh sinh viên. Bên cạnh đó, hệ thống kios cho thuê và tiền thu về từ hoa hồng bán vé cũng là một mảng rất quan trọng trong cơ cấu doanh thu lợi nhuận của công ty. Công ty đã áp dụng quy trình khép kín để quản lý các mảng kinh doanh của mình theo công nghệ quản lý hiện đại đạt chuẩn quốc gia.

Trong năm 2009, DLGL INDPS cũng tích cực mở rộng các dịch vụ đại lý, dịch vụ kinh doanh xăng dầu và dịch vụ cho thuê văn phòng, mua bán chất bôi trơn và sửa chữa máy móc để mở rộng nguồn thu và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Cụ thể năm 2009 Công ty đạt doanh thu là 15.380.063.396 đồng, lợi nhuận sau thế đạt 4.410.687.853 đồng, tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu đạt 28,76%.

- **Hoạt động quản lý tổ chức:** DLGL INDPS đã và đang từng bước hoàn thiện các quy chế quản lý theo mô hình Công ty cổ phần, công ty đại chúng đặc biệt là sau khi đã niêm yết cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán.

DLGL INDPS có hệ thống văn phòng làm việc hiện đại với quy trình khép kín, cùng với hệ thống bến bãi rộng rãi và thân thiện do được bố trí nhiều cây xanh rất phù hợp với môi trường làm việc và xu hướng phát triển của Công ty.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển theo chiến lược đề ra, DLGL INDPS cũng đã hoàn tất việc thiết lập, vận hành hệ thống chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn ISO. Cán bộ Nhân viên của Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia Lai luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tình phục vụ với phương châm "**Bến xe là nhà, CBCNV là chủ**", Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia Lai đã và đang áp dụng quy trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000.

Về công tác quản lý tài chính kế toán, trong năm 2009 DLGL INDPS luôn đảm bảo quản lý vốn an toàn, thực hiện đầy đủ các khoản thu, chi tài chính trong năm. Đảm bảo việc thu xếp vốn kịp thời cho các sự kiện và có kế hoạch chuẩn bị cho các dự án đầu tư của mình. DLGL INDPS cũng hoàn thành việc phát hành thêm 5,5 triệu cổ phiếu theo hình thức phát hành riêng lẻ để tăng vốn lên 15 tỷ đồng và hoàn tất việc niêm yết cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán vào ngày 10/03/2010.

DLGL INDPS đã xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, tăng cường công tác quản lý và nâng cao ý thức tiết kiệm trogn toàn Công ty. Các phi phí hội họp, tiếp khách, đi lại, chi phí hành chính không cần thiết đều được cắt giảm. Trong năm, Công ty đã kịp thời tái cấy trúc các khoản vay làm giảm đáng kể chi phí vốn, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Về công tác nhân sự: một mặt Công ty sắp xếp một số nhận sự hiện có, động viên Cán bộ nhân viên tự đào tạo để nâng cao trình độ để có đủ khả năng đảm nhận công việc theo yêu cầu mới. Mặt khác công ty tích cực tuyển dụng nhân viên có năng lực, kinh nghiệm để đảm nhận công việc. DLGL INDPS cũng làm tốt công tác đào tạo, tuyển dụng nhân sự cho bộ máy của mình và dự bị cho việc quản lý, điều hành các dự án mới. Tính đến 31/12/2009, tổng số nhân sự làm việc trong Công ty là 100 người, tuy nhiên việc tuyển dụng các nhân

sự quản lý có năng lực còn gặp không ít khó khăn do nguồn cung còn thiếu và sức hút lao động của DLGL INDPS chưa cao.

Công tác đầu tư: Nằm trong kế hoạch và chiến lược của mình, năm 2009, DLGL INDPS đã chuẩn bị các nguồn lực để thực hiện các dự án đầu tư của mình. Cụ thể trong giai đoạn 2009 – 2011 DLGL INDPS sẽ triển khai đầu tư và đưa vào vận hành hệ thống bến xe của mình tại Đà Nẵng và Bảo Lộc. Riêng bến xe Đức Long Bảo Lộc sẽ đi vào hoàn thiện và hoạt động vào đầu quý 3 năm 2010. Ngoài ra trong năm 2010 DLGL INDPS sẽ triển khai thực hiện dự án mở rộng bến xe Đức Long Gia Lai và tổ chức xúc tiến đầu tư vào bến xe Huế. Bên cạnh công tác đầu tư vào các dự án mới, DLGL INDPS đã trú trọng đầu tư vào công nghệ và con người nhằm hoàn thiện hệ thống quản lý của mình theo đúng tiêu chuẩn ISO và duy trì tiêu chuẩn chất lượng bến xe loại 1 của ngành GTVT Việt Nam.

Về phương tiện vận tải đường bộ, năm 2009 DLGL INDPS đã hoàn tất việc đầu tư và đưa vào sử dụng 06 xe buýt để phục vụ Festival Cồng Chiêng quốc tế lần thứ nhất tại Gia Lai năm 2009 và phục vụ kinh doanh vận tải hành khách công cộng. Việc đầu tư và đưa vào sử dung 5 xe buýt đã nâng số lượng xe buýt của DLGL INDPS lên 24 xe, đảm bảo việc vẫn chuyển hành khách công cộng từ Thành phố Pleiku về các huyện của tỉnh Gia Lai, đặc biệt là các huyện biên giới, góp phần giải quyết vấn đề giao thông công cộng của tỉnh nhà. Hiện nay DLGL INDPS là doanh nghiệp có số lượng xe buýt phục vụ vận tải hành khách công cộng lớn nhất tỉnh Gia Lai.

3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của DLGL INDPS:

- Phát triển DLGL INDPS trở thành Công ty mẹ của chuỗi bến xe liên tỉnh mang thương hiệu Đức Long trên khắp khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và nhân rộng mô hình này ra cả nước. Phấn đầu đến năm 2015 DLGL INDPS sẽ trở thành Công ty hàng đầu hoạt động trong lĩnh vực cung cấp

dịch vụ bến xe bãi đỗ tại Việt Nam và có đủ năng lực để cạnh tranh với các Doanh nghiệp Nhà Nước hoạt động trong lĩnh vực này.

- **Về doanh thu và lợi nhuận:** DLGL INDPS sẽ phấn đấu tốc độ tăng doanh thu hàng năm đạt 25% - 30%. Phấn đấu đạt doanh thu trên 20 tỷ vào năm 2010 và 60 tỷ vào năm 2012 và lợi nhuận sau thuế năm 2012 đạt 10 tỷ đồng. DLGL INDPS sẽ tiếp tục duy trì tỷ lệ lợi nhuận trên vốn trên 20% và duy trì tỷ lệ cổ tức cao cho các nhà đầu tư.
- Về thị trường: DLGL INDPS đảm bảo cung cấp dịch vụ bến xe bãi đỗ cho 100% doanh nghiệp vận tải tại tỉnh Gia Lai. Đóng vai trò chủ lực trong công tác dịch vụ bến xe bãi đỗ tại tỉnh Gia Lai nói riêng và khu vực Miền Trung – Tây Nguyên nói chung.
- Đảm bảo kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi ích tối đa của các cổ đông.
- Đảm bảo quyền lợi và và điều kiện làm việc tốt cho người lao động và đóng góp tích cực cho Xã hội và cộng đồng.

+ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

DLGL INDPS sẽ thực hiện chiến lược thâm nhập và phát triển thị trường, lấy ngành nghề kinh doanh cốt lõi làm bàn đạp để thực hiện phát triển sang các lĩnh vực mũi nhọn với chiến lược phát triển ngành cung cấp dịch vụ bến xe bãi đỗ và vận chuyển hành khách công cộng là chủ yếu. Trong tương lai, DLGL INDPS sẽ tập trung phát triển các lĩnh vực sau:

- Xây dựng và phát triển hệ thống bến xe bãi đỗ hiện đại và khu vực nhà ga hành khách khép kín, hiện đại với không gian thoáng mát tại khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và nhân rộng mô hình này ra cả nước theo chủ trương xã hội hóa đầu tư ngành bến xe bãi đỗ của Chính Phủ.

- Phát triển các dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ cho phương tiện vận tải đường bộ.
- Phát triển kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách công cộng các tuyến nội tỉnh Gia Lai, đưa lĩnh vực này trở thành lĩnh vực kinh doanh thường xuyên của Doanh nghiệp.
- Phát triển các loại hình dịch vụ khác như cho thuê Kios, cho thuê kho hàng hóa, cho thuê văn phòng và dịch vụ lưu trú ngắn ngày...

III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:

- Lợi nhuận thực hiện trước thuế thu nhập doanh nghiệp : 5,36 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : 4,41 tỷ đồng

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch :

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2009	THỰC HIỆN NĂM 2009	
				GIÁ TRỊ	%TH/KH
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	17.269	15.380	89,06%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.116	5.366	172%
3	Thuế TNDN	Triệu đồng	779	955	122,6%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.019	4.410	218%

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

Bên cạnh việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra thì kết quả quan trọng đối với DLGL INDPS là đã bước đầu chuyển đổi được mô hình quản lý,

chuẩn bị được những cơ sở bước đầu về tổ chức nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở vật chất kỹ thuật và thị trường phát triển cho những năm tới.

Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2009, Công ty đã đầu tư thêm 06 chiếc xe buýt để phục vụ Festival Cồng Chiêng quốc tế và để phục vụ nhu cầu vận chuyển hành khách công cộng của khu vực Thành phố Pleiku đi các huyện. Ngoài ra Công ty đã đầu tư vào bến xe Đức Long Bảo Lộc, bến xe Đức Long Đà Nẵng...

Về các sự kiện khác: Cũng trong năm 2009, Công ty phát hành thành công 550.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng. Công ty trở thành Công ty đại chúng vào ngày 29/10/2009, đặc biệt là Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 10/03/2010.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Với chiến lược tiếp tục xây dựng DLGL INDPS có những nền tảng vững chắc để phát triển ổn định, trở thành đơn vị hàng đầu về cung cấp dịch vụ bến xe bãi đỗ trên địa bàn các tỉnh Tây nguyên và khu vực Miền trung và có uy tín trong ngành giao thông vận tải, được khách hàng tín nhiệm, các mục tiêu nhiệm vụ cơ bản được DLGL INDPS đề ra như sau:

- Vận hành an toàn và kai thác hiệu quả hệ thống bến xe bãi đỗ hiện có, đảm bảo cung cấp tốt dịch vụ cho 100% hãng vận tải và hành khách qua bến. Vận hành an toàn và khai thác hiệu quả toàn bộ hệ thống xe buýt phục vụ vận chuyển hành khách công công trên tất cả các tuyến nội tỉnh Gia Lai.
- Đảm bảo công tác đầu tư phát triển đội xe, phát triển hệ thống bến xe mang thương hiệu Đức Long, các cơ sở phương tiện dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ khác để nâng cao năng lực dịch vụ.
- Tiếp tục phát triển và từng bước nâng cao hiệu quả kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách công cộng và các dịch vụ vận tải đường bộ khác.

- Đẩy mạnh phát triển các loại hình dịch vụ khác nhằm tạo nguồn thu và nânh cao hiệu quả sử dụng vốn như Dịch vụ cho thuê Kios, dịch vụ cho thuê văn phòng, dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ cho thuê quấy bán vé và dịch vụ cho thuê kho hàng...
- Bảo đảm tuyệt đối án toàn, không để xảy ra các tai nạn lớn, sự cố cháy nổ... trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đảm bảo nguồn nhân lực cho sự phát triển của Công ty và các đơn vị thành viên trong tương lai, phấn đấu thay thế dần các chức danh quản lý cao cấp nhưng chưa đủ kiến thức và kinh nghiệm trong điều hành.
- Tăng cường tiết kiệm cac chi phí, nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Xây dựng và chuẩn hóa môi trường và văn hóa làm việc chuyên nghiệp trong toàn Công ty với phương châm **"Bến xe là nhà, Cán bộ nhân viên là chủ"**.
- Đảm bảo đủ việc làm, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động của Công ty. Góp phần tích cực trong công tác an sinh xã hội do tỉnh và Nhà nước phát động. Góp phần ổn định an ninh chính trị chi tỉnh nhà và khu vực Miền Trung Tây Nguyên.

IV. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

Báo cáo tài chính đã kiểm toán của năm 2009 phản ánh một số chỉ tiêu tài chính như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2009
1. Cơ cấu tài sản:		
- Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	60

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2009
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	40
2. Cơ cấu nguồn vốn:		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	31,44
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	68,55
3. Khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.85
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2.03
4. Tỷ suất lợi nhuận		
- LNTT/Tổng tài sản	%	14,2
- LNST/Doanh thu thuần	%	28,76
- LNST/Vốn chủ sở hữu	%	20,95

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh:

Qua các chỉ số về thanh toán, cơ cấu tài sản, nguồn vốn… cho thấy tổn quát tình hình tài chính của DLGL INDPS là tốt, có độ an toàn cao, đảm bảo được khả năng thanh toán nợ phải trả cũng như nợ vay đến hạn.

Đối với chỉ số khả năng thanh toán hiện hành đạt 2,03 lần. Điều này cho thấy Công ty hoàn toàn có thể trả ngay tất cả các khoản nợ bằng tiền khi đến hạn và cùng một lúc tất cả các hợp đồng tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Đồng thời các khoản nợ vay, lãi vay được thanh toán nhiều kỳ trong năm. Tuy nhiên chỉ số này của công ty hiện nay quá cao đã phản ánh hiệu quả sử dụng vốn của Công ty chưa cao, Công ty còn để tiền mặt tồn trong quỹ hoặc tiền gửi ngân hàng khá nhiều. Công ty cần khai

thác triệt để thế mạnh về vốn, cần có khả năng khai thác tối đa các nguồn lực để nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Phân tích những biến động-những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động): không có.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009: 14.467 đồng/cp

- Những thay đổi về vốn cổ đông, cổ đông sáng lập:

  - Ngày 21/12/2007, Công ty CP Đầu tư – Phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai được thành lập và có 4 cổ đông sáng lập. Cụ thể:

STT	Tên cổ đông sáng lập	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần
1	**Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai** **- Đại diện: Ông Bùi Pháp**	820.000	82,00	Phổ thông
2	Ông Đỗ Thanh	50.000	5,00	Phổ thông
3	Ông Phạm Trưng	30.000	3,00	Phổ thông
4	Ông Võ Châu Hoàng	50.000	5,00	Phổ thông
	Tổng cộng	**950.000**	**95,00**	

  - Ngày 11/03/2009, Công ty có sự thay đổi về thành viên góp vốn (Cổ đông sáng lập) như sau:

STT	Tên cổ đông sáng lập	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần
1	**Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai** **- Đại diện: Ông Bùi Pháp**	820.000	82,00	Phổ thông
2	Nguyễn Đình Trạc	70.000	7,00	Phổ thông
3	Đỗ Chiến Đấu	30.000	3,00	Phổ thông
4	Lê Phú Hà	30.000	3,00	Phổ thông
	Tổng cộng	**950.000**	**95,0**	**Phổ thông**

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): 1.500.000 Cổ phiếu thường. Công ty không có các loại cổ phiếu ưu đãi.

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): không có

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 1.500.000 cổ phiếu thường

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có): không có

- Cổ tức năm 2009: Dự kiến Công ty trả 20%/mệnh giá cổ phần

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- **Đặc điểm tình hình:**

Năm 2009 là năm mà nền kinh tế có nhiều biến động, tình hình kinh tế thế giới diễn biến hết sức phức tạp và khó lường. Cuộc khủng hoảng toàn cầu từ năm 2008 và kéo dài đến cuối năm 2009 đã làm cho các doanh nghiệp trên toàn thế giới gặp không ít khó khăn, nhiều doanh nghiệp lớn có bề dày lịch sử hoạt động đã bị phá sản hoặc có nguy cơ bị phá sản. Giá dầu thô trên thế giới liên tục biến động khó lường, từ năm 2008 có lúc giá dầu tăng từ 90USD/thùng lên 147 USD/thùng rồi có khi giảm xuống còn 33,87 USD/thùng và giao động quanh mốc 40USD/thùng vào thời điểm cuối năm 2008. Bước sang năm 2009, mặc dù vào thời điểm cuối năm nền kinh tế bắt đầu có dấu hiệu hồi phục nhưng tiềm ẩn bên trong là khả năng lạm phát cao, giá vàng biến động tăng không ngừng, bên cạnh đó sự yếu đi của đồng đô la Mỹ đã làm cho nền kinh tế gặp không ít khó khăn. Trước những diễn biến khó lường đó, Chính Phủ Việt Nam đã áp dụng các biện pháp vĩ mô để ổn định nền kinh tế. Việc Chính phủ chấm dứt gói kích cầu thứ nhất và việc Ngân hàng Nhà Nước tăng lãi suất cơ bản đã làm cho các doanh nghiệp vốn

đã khó khăn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu lại càng khó khăn hơn.

Ở trong nước, ngành giao thông vận tải cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, kéo theo ngành dịch vụ bến xe bãi đỗ cũng bị ảnh hưởng tiếp theo. Tuy nhiên DLGL INDPS đã không ngừng nỗ lực phấn đấu đạt được kết quả sản xuất kinh doanh của mình theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị đề ra.

Với tình hình như vậy, trong năm 2009 DLGL INDPS có những thuận lợi, khó khăn như sau:

Thuận lợi:

- DLGL INDPS nhận được sự quan tâm hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của Tập đoàn Đức Long Gia Lai về mọi mặt và sự hợp tác giúp đỡ của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.
- DLGL INDPS đã trở thành Công ty đại chúng và thay đổi phương thức quản trị theo đúng tiêu chuẩn của một công ty đại chúng.
- Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV của Công ty có sự đoàn kết nhất trí cao, tâm huyết vì mục tiêu phát triển của DLGL INDPS.

Khó khăn:

- Tình hình thị trường không ngừng biến động, giá xăng dầu trong nước liên tiếp tăng và lượng hành khách đi lại giao thương giữa các vùng miền có chiều hướng giảm đã làm cho các hãng vận tải phải cắt giảm chuyến để bảo toàn lợi nhuận, điều này dẫn đến Doanh thu và lợi nhuận của công ty cũng bị ảnh hưởng theo.

- Hiện tượng một số hãng xe tổ chức đón khách không qua bến, tình trạng xe dù… hiện vẫn đang còn phổ biến ở địa bàn thành phố Pleiku là một bài toán nan giải của ngành giao thông vận tải tỉnh Gia Lai.
- Lạm phát tăng và có dấu hiệu tăng cao trong những tháng cuối năm, dẫn đến chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ đã làm cho việc huy động vốn đầu tư của Công ty gặp không ít khó khăn. Chi phí sử dụng vốn cao đã làm cho hiệu quả kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng lớn.
- Nguồn lực về đội ngũ quản lý của DLGL INDPS còn bị hạn chế, đội ngũ cán bộ quản lý còn mỏng, năng lực chuyên môn và quản lý còn chưa đáp ứng được với mô hình và quy mô phát triển của Công ty.
- Hoạt động kinh doanh của DLGL INDPS được mở rộng, không những chỉ cung cấp dịch vụ bến xe bãi đỗ mà còn có cả các dịch vụ kèm theo như cho thuê văn phòng, cho thuê Kios và kinh doanh thương mại… Tuy nhiên do còn đang trong giai đoạn ban đầu, chưa có nhiều kinh nghiệm nên hiệu quả kinh doanh chưa cao.

- **Các chỉ tiêu kế hoạch đã thực hiện:**

Với những công việc đã thực hiện trên, kết quả SXKD của Công ty năm 2009 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2009	TH 2009	SO SÁNH	
					VỚI KH 2009	VỚI 2008
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	17,269	15,380	89,07%	102,4%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,116	5,366	172,2%	194%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,337	4,410	188,7%	236,7%

					SO SÁNH	
4	Lợi ích của cổ đông	Tỷ đồng		4,410		
5	Lợi nhuận chưa phân phối	Tỷ đồng		4,410		
6	Trích dự phòng điều chỉnh tỷ giá cuối kỳ và điều chỉnh khác	Tỷ đồng				
7	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2009 sau điều chỉnh	Tỷ đồng		4.410		
8	Tổng số thuế và các khoản phải nộp khác cho NSNN	Tỷ đồng		0,955		130%

- **Đánh giá kết quả đạt được:**

Trong năm qua, mặc dù tình hình kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp không ít khó khăn, nhu cầu đi lại giao thương của người dân có chiều hướng giảm, các hãng vận tải cắt giảm chuyến để bảo tồn lợi nhuận… DLGL vẫn hoàn thành kế hoạch đề ra. Tuy nhiên Doanh thu của Công ty đã không đạt như kế hoạch. Nguyên nhân cụ thể là như đã trình bày, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, giá xăng dầu tăng cao, lạm phát rình rập nên lượng giao thương của người dân giữa các vùng miền sụt giảm, các hãng vận tải cắt giảm chuyến, hiện tượng đón khách không qua bến bãi của một số doanh nghiệp vận tải, hiện tượng xe dù hoạt động lén lút… đã làm ảnh hưởng tới Doanh thu của Công ty. Cụ thể doanh thu năm 2009 của Công ty chỉ đạt 15,38 tỷ đồng, đạt 89,07% so với kế hoạch nhưng lại tăng 2% so với năm 2008. Điều này khẳng định việc sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn trên đà tăng trưởng và ổn định.

Riêng về lợi nhuận, năm 2009 Công ty có sự tăng trưởng đột biết nhờ áp dụng mô hình quản lý chuyên nghiệp và hiện đại cùng với việc gia tăng tiết kiệm các khoản chi phí nhằm bảo toàn và nâng cao lợi ích tối đa cho các cổ đông. Cụ thể năm 2009 Công ty đạt 4,4 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, bằng 188 % so với kế hoạch và tăng 136,7% so với năm 2008. Đây là một kết quả ấn tượng thể hiện quyết tâm của toàn thể ban lãnh đạo Công ty cũng như của ban lãnh đạo Tập Đoàn Đức Long Gia Lai.

Trong năm 2009, DLGL INDPS đã thỏa thuận và ký hợp đồng với nhiều đối tác trong và ngoài nước về hợp tác phát triển, trong đó có hợp đồng thuê mua tài chính với Công ty cho thuê Tài chính Khánh Hòa về thuê mua 06 chiếc xe bus để phục vụ vận tải hành khách công cộng tại tỉnh Gia Lai.

Tóm lại trong năm 2009 tuy còn nhiều khó khăn nhưng Công ty không những đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình mà còn thực hiện thành công việc phát hành thêm 550 ngàn cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng đồng thời niêm yết cổ phiếu của mình trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 10/03/2010. Những thành tựu mà Công ty đạt được khẳng định công ty đang từng bước chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa công tác quản lý nhằm tạo cơ sở vật chất, ký thuật, nguồn nhân lực, hệ thống quản lý và thị trường cho sự phát triển của Công ty trong những năm tới.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**
  - Kiện toàn tổ chức hoạt động của Công ty, cập nhật, hoàn thiện các quy trình, quy chế theo quy định…
  - Chính thức phát hành cổ phiếu ra công chúng và trở thành Công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán. Tiến hành các thủ tục hồ sơ

đăng ký niêm yết cổ phiếu lần đầu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- **Các biện pháp kiểm soát :** trong năm qua, mặc dù tình hình kinh doanh trong lĩnh vực vận tải còn gặp nhiều khó khăn kéo theo tình hình kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ bến xe bãi đỗ cũng nằm trong cùng hoàn cảnh. Tuy nhiên các chỉ tiêu SXKD chính như Doanh thu và Lợi nhuận vẫn được DLGL INDPS duy trì và có sự vượt trội. Kết quả đạt được như trên là do:
  - Chủ trương lãnh đạo của Tập đoàn Đức Long Gia Lai hoàn toàn xuyên suốt và đúng đắn với sự phát triển của DLGL INDPS.
  - Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV của DLGL INDPS đã tập trung về mọi mặt để đảm bảo Công ty hoạt động tốt đồng thời khai thác tối đa mọi nguồn lực để đảm bảo Công ty hoạt động liên tục.
  - GLGL INDPS đã quản lý chặt chẽ các khoản chi phí, kiểm soát toàn bộ quá trình vận hành hệ thống xe bus… đảm bảo hiệu quả SXKD đạt mức tối ưu.
  - Xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2000…
  - Các nguồn vốn đã được cơ cấu lại một cách hợp lý để giảm đến mức thấp nhất chi phí vốn vay…
  - Tích cực hoàn thiện công tác quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác đầu tư, tìm kiếm và phát triển thị trường để tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch kinh doanh năm 2010:

- Doanh thu: 22,5 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 8,5 tỷ đồng
- Thuế nộp cho NSNN: 2,1 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN:6,4 tỷ đồng

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Các báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 59000437257 ngày 21 tháng 12 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 4 lần đăng ký điều chỉnh Giấy chứng đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/10/2009). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ : *15.000.000.000 đồng*

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2009: *15.000.000.000 đồng*

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: (059) 3829.021
- Fax: (059) 3829.021

Ngành nghề kinh doanh :

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải bằng đường bộ;
- Vận tải khách bằng xe buýt; Vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng;
- Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động vui chơi, giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Cho thuê văn phòng;
- Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng;
- Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 90 người. Trong đó nhân viên quản lý 19 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

• Ông Nguyễn Đình Trạc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/11/2009
• Ông Bùi Pháp	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 11/03/2009 Miễn nhiệm ngày 27/11/2009
• Ông Nguyễn Đình Trạc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11/03/2009 Miễn nhiệm ngày 27/11/2009
• Ông Bùi Pháp	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/11/2009
• Ông Đỗ Thanh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/11/2007 Miễn nhiệm ngày 11/03/2009
• Ông Phạm Trưng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/11/2007 Miễn nhiệm ngày 11/03/2009
• Ông Võ Châu Hoàng	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 11/03/2009
• Ông Đỗ Chiến Đấu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11/03/2009
• Ông Lê Phú Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11/03/2009

Ban kiểm soát

• Bà Trần Thị Kim Cúc	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15/09/2009
• Ông Lê Hoài Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/09/2009
• Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/09/2009

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Đỗ Chiến Đấu	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/02/2008 Miễn nhiệm ngày 10/02/2009
• Ông Lê Phú Hà	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/02/2009
• Bà Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 21/12/2007

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 511.3655886; Fax: (84) 511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI

Lê Phú Hà

Gia Lai, ngày 20 tháng 3 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**11.951.823.599**	**5.915.185.811**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**2.554.008.454**	**426.303.699**
1. Tiền	111	5	2.554.008.454	426.303.699
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**			
III Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**9.313.694.453**	**4.834.004.942**
1. Phải thu của khách hàng	131		256.251.697	3.084.964.937
2. Trả trước cho người bán	132		25.000.000	
3. Các khoản phải thu khác	138	6	9.032.442.756	1.749.040.005
IV. Hàng tồn kho	**140**	7		**534.558.609**
1. Hàng tồn kho	141			534.558.609
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**84.120.692**	**120.318.561**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	31.575.000	20.896.000
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	52.545.692	99.422.561
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**19.852.218.917**	**17.790.527.132**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			
II. Tài sản cố định	**220**		**19.075.039.608**	**16.603.525.376**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	17.329.514.719	16.549.785.793
- Nguyên giá	*222*		*18.992.380.191*	*17.356.420.191*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(1.662.865.472)*	*(806.634.398)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	1.711.326.973	
- Nguyên giá	*225*		*2.457.142.857*	
- Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		*(745.815.884)*	
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	34.197.916	53.739.583
- Nguyên giá	*228*		*58.625.000*	*58.625.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(24.427.084)*	*(4.885.417)*
III. Bất động sản đầu tư	**240**			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**			
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**777.179.309**	**1.187.001.756**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	667.600.109	1.187.001.756
2. Tài sản dài hạn khác	268	14	109.579.200	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**31.804.042.516**	**23.705.712.943**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
A.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**10.383.214.901**	**12.185.973.181**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**5.336.306.627**	**2.475.064.907**
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	15	3.030.000.000	
2.	Phải trả cho người bán	312		17.325.000	438.575.978
3.	Người mua trả tiền trước	313		601.363.632	715.909.087
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	1.362.294.389	739.714.290
5.	Phải trả người lao động	315		240.770.836	135.193.605
6.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	84.552.770	445.671.947
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**5.046.908.274**	**9.710.908.274**
1.	Phải trả dài hạn người bán	331			
2.	Vay và nợ dài hạn	334	18	5.046.908.274	9.710.908.274
B.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**21.420.827.615**	**11.519.739.762**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	19	**21.329.440.627**	**11.519.739.762**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19	15.000.000.000	9.500.000.000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	417	19	1.797.568.389	
3.	Quỹ dự phòng tài chính	418	19	100.986.988	
4.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	19	20.197.397	
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	19	4.410.687.853	2.019.739.762
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**91.386.988**	
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		91.386.988	
2.	Nguồn kinh phí	432			
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**31.804.042.516**	**23.705.712.943**

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Lê Phú Hà	Hà Thị Phương Oanh	Hà Thị Phương Oanh

Gia Lai, ngày 20 tháng 03 năm 2010

Các Thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 23 là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng ETC

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**20**	**15.380.063.396**	**15.016.432.985**
2.	Các khoản giảm trừ	03			
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		15.380.063.396	15.016.432.985
4.	Giá vốn hàng bán	11	21	5.982.073.780	8.510.582.577
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ**	**20**		**9.397.989.616**	**6.505.850.408**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.513.985	
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22	23	1.230.051.792	1.396.144.613
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.230.051.792*	*1.396.144.613*
8.	Chi phí bán hàng	24		355.720.959	7.422.000
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.422.734.268	2.307.518.490
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**5.390.996.582**	**2.794.765.305**
11.	Thu nhập khác	31	24	1.546.909	68.181.818
12.	Chi phí khác	32	25	26.029.747	112.126.510
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**(24.482.838)**	**(43.944.692)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**	**26**	**5.366.513.744**	**2.750.820.613**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		955.825.891	731.080.851
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập Doanh nghiệp**	**60**	**26**	**4.410.687.853**	**2.019.739.762**
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	4.143	2.226

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Lê Phú Hà	Hà Thị Phương Oanh	Hà Thị Phương Oanh

Gia Lai, ngày 20 tháng 03 năm 2010

CÔNG TY CP ĐT PT DVCTCC ĐỨC LONG GIA LAI
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1.	Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	16.238.899.264	16.137.787.836
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(7.108.370.933)	(6.674.007.694)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.857.932.294)	(1.394.748.234)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	(1.230.051.792)	(1.396.144.613)
5.	Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(385.353.832)	
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.053.083.609	1.922.891.394
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.814.123.252)	(9.537.656.808)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(103.849.230)**	**(941.878.119)**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.635.960.000)	
2.	Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		68.181.818
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.513.985	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(1.634.446.015)**	**68.181.818**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
1.	Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	5.500.000.000	1.300.000.000
2.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.366.000.000	
3.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.000.000.000)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**3.866.000.000**	**1.300.000.000**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	**50**	**2.127.704.755**	**426.303.699**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	426.303.699	
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**2.554.008.454**	**426.303.699**

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Lê Phú Hà	Hà Thị Phương Oanh	Hà Thị Phương Oanh

Gia Lai, ngày 20 tháng 03 năm 2010

Các Thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

VI. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 59000437257 ngày 21 tháng 12 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 4 lần đăng ký điều chỉnh Giấy chứng đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/10/2009). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải bằng đường bộ;
- Vận tải khách bằng xe buýt; Vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng;
- Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động vui chơi, giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Cho thuê văn phòng;
- Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng;
- Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc, thiết bị	8 – 12
Phương tiện vận tải	5 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được phản ánh theo nguyên giá và không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng (thời hạn thuê) được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Mức khấu hao tùy thuộc vào thời gian thuê đất.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3 - 5

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty cho đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.10 Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.11 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất là.
  - ✓ Hoạt động vận tải khách bằng xe buýt không chịu thuế
  - ✓ Các dịch vụ khác (thuê bãi, dịch vụ bến, bến đỗ, cho thuê xe...) chịu thuế suất là 10%
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 25%.

  Theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính, Công ty được giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tiền mặt tại quỹ	2.416.686.469	425.303.699
Tiền gởi ngân hàng	137.321.985	1.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Gia Lai	*554.932*	
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển CN Gia Lai	*136.767.053*	*1.000.000*
Cộng	**2.554.008.454**	**426.303.699**

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
BHXH, BHYT nộp thừa	2.499.600	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	4.027.012.956	1.300.000.000
Phải thu phí xăng dầu		426.196.605
DNTN Đức Kiên Gia Lai	5.000.000.000	
Phải thu khác	2.930.200	22.843.400
Cộng	**9.032.442.756**	**1.749.040.005**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Hàng hóa (xăng, dầu)	-	534.558.609
Cộng	**-**	**534.558.609**

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vé, hóa đơn GTGT kiêm lệnh xuất bến	31.575.000	20.896.000
Cộng	**31.575.000**	**20.896.000**

9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tạm ứng	52.545.692	99.422.561
Cộng	**52.545.692**	**99.422.561**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc VNĐ	P.tiện vận tải truyền dẫn VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quản lý VNĐ	Cộng VNĐ
Nguyên giá				
Số đầu năm	17.274.020.191	-	82.400.000	17.356.420.191
Tăng trong năm	44.760.000	1.591.200.000		1.635.960.000
Giảm trong năm				
Số cuối năm	**17.318.780.191**	**1.591.200.000**	**82.400.000**	**18.992.380.191**
Khấu hao				-
Số đầu năm	779.167.731	-	27.466.667	806.634.398
Tăng trong năm	779.039.407	49.725.000	27.466.667	856.231.074
Giảm trong năm				-
Số cuối năm	**1.558.207.138**	**49.725.000**	**54.933.334**	**1.662.865.472**
Giá trị còn lại				-
Số đầu năm	16.494.852.460	-	54.933.333	16.549.785.793
Số cuối năm	**15.760.573.053**	**1.541.475.000**	**27.466.666**	**17.329.514.719**

Giá trị còn lại của các tài sản đem cầm cố, thế chấp cho các khoản vay: 1.509.000.000 đồng

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	P.tiện vận tải truyền dẫn VNĐ	Cộng VNĐ
Nguyên giá		
Số đầu năm		-
Tăng trong năm	2.457.142.857	2.457.142.857
Giảm trong năm		
Số cuối năm	**2.457.142.857**	**2.457.142.857**
Khấu hao		-
Số đầu năm		-
Tăng trong năm	745.815.884	745.815.884
Giảm trong năm		-
Số cuối năm	**745.815.884**	**745.815.884**
Giá trị còn lại		-
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	**1.711.326.973**	**1.711.326.973**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 074/09/ALCII-KH-HĐCT ngày 31/08/2009 với Chi nhánh Công ty cho thuê Tài chính II tại Khánh Hòa (Ngân hàng Nông nghiệp và PT NT Việt Nam) và các Phụ lục của Hợp đồng này, Công ty đã thuê tài chính 06 chiếc xe Ô tô Transinco trong thời hạn thuê là 26 tháng. Lãi suất thuê (trong hạn) là 0,875%/tháng. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất thuê trong hạn.

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	58.625.000	58.625.000
Tăng trong năm		-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	**58.625.000**	**58.625.000**
Khấu hao		
Số đầu năm	4.885.417	4.885.417
Tăng trong năm	19.541.667	19.541.667
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	**24.427.084**	**24.427.084**
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	53.739.583	53.739.583
Số cuối năm	**34.197.916**	**34.197.916**

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	66.236.473	133.286.839
Chi phí dài hạn chờ phân bổ	601.363.636	1.053.714.917
Cộng	**667.600.109**	**1.187.001.756**

14. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Các khoản t/ chấp,k/cược (Công ty Cho thuê Tài chính II)	109.579.200	
Cộng	**109.579.200**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	3.030.000.000	
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	*2.000.000.000*	
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín_CN Gia Lai	390.000.000	
- Công ty cho thuê tài chính II_CN Khánh Hòa	640.000.000	
Cộng	**3.030.000.000**	**-**

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	60.741.479	8.633.439
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.301.552.910	731.080.851
Cộng	**1.362.294.389**	**739.714.290**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	84.552.770	445.671.947
- Phải trả phí xăng dầu		*424.766.147*
-Nhận đặt cọc của nhân viên bán vé	*16.000.000*	*20.905.800*
- Phải trả khác	*68.552.770*	
Cộng	**84.552.770**	**445.671.947**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

18. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vay dài hạn	4.256.908.274	9.710.908.274
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (1)	*3.710.908.274*	*9.710.908.274*
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín_CN Gia Lai (2)	*546.000.000*	
Nợ dài hạn (Công ty Cho thuê Tài Chính II)	790.000.000	-
Cộng	**5.046.908.274**	**9.710.908.274**

(1) Vay Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai theo hợp đồng thỏa thuận ngày 19/02/2009. Theo đó, thời hạn vay của hợp đồng đến hết năm 2012. Lãi suất cho vay theo lãi suất cho vay trung dài hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn.

+ Trả lãi tiền vay hàng quý
+ Việc trả tiền gốc vay cho Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai căn cứ vào giấy thu nợ giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai và Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai.

(2) Vay Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – CN Gia Lai theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần ngày 06/10/2009 để bổ sung vốn mua xe Ô to khách.Theo đó, thời hạn vay của hợp đồng là 36 tháng. Lãi suất cho vay 0,875%/tháng chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau lãi suất được áp dụng theo mức lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân nhưng không thấp hơn lãi suất của lần giải ngân đầu tiên. Bên vay thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp là 03 Xe Ô tô khách. Trị giá thế chấp là 1.515.000.000 đồng.

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ khác thuộc vốn CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2008					
Tăng trong năm	9.500.000.000				2.019.739.762
Giảm trong năm					
Số dư tại 31/12/2008	**9.500.000.000**		-	-	**2.019.739.762**
	-		-	-	-
Số dư tại 01/01/2009	**9.500.000.000**	-	-	-	**2.019.739.762**
Tăng trong năm	5.500.000.000	20.197.397	1.797.568.389	100.986.988	4.410.687.853
Giảm trong năm					2.019.739.762
Số dư tại 31/12/2009	**15.000.000.000**	**20.197.397**	**1.797.568.389**	**100.986.988**	**4.410.687.853**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	8.200.000.000	8.200.000.000
Vốn của các cổ đông khác	6.800.000.000	1.300.000.000
Cộng	**15.000.000.000**	**9.500.000.000**

c. Cổ phiếu

	31/12/2009 Cổ phiếu	31/12/2008 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.500.000	950.000
- Cổ phiếu thường	*1.500.000*	*950.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.500.000	950.000
- Cổ phiếu thường	*1.500.000*	*950.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.500.000	950.000
- Cổ phiếu thường	*1.500.000*	*950.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	2.019.739.762	
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.410.687.853	2.019.739.762
Phân phối lợi nhuận trong năm	**2.019.739.762**	-
- Phân phối lợi nhuận năm trước	***2.019.739.762***	
+ Quỹ đầu tư phát triển	*1.797.568.389*	
+ Quỹ dự phòng tài chính	*100.986.988*	
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành	*121.184.385*	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**4.410.687.853**	**2.019.739.762**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán xăng dầu		2.616.944.707
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.380.063.396	12.399.488.278
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**15.380.063.396**	**15.016.432.985**

21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn bán xăng dầu		2.517.971.353
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.982.073.780	5.992.611.224
Cộng	**5.982.073.780**	**8.510.582.577**

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.513.985	
Cộng	**1.513.985**	**-**

23. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí lãi vay	1.230.051.792	1.396.144.613
Cộng	**1.230.051.792**	**1.396.144.613**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Thu nhập khác

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thu thanh lý TSCĐ_81L 0107		68.181.818
Thu khác	1.546.909	
Cộng	**1.546.909**	**68.181.818**

25. Chi phí khác

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí thanh lý TSCĐ		112.126.510
Chi phí khác (nộp phạt, chi phí không hợp lệ ..)	26.029.747	
Cộng	**26.029.747**	**112.126.510**

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế trong năm.

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**5.366.513.744**	**2.750.820.613**
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm LN chịu thuế TNDN	**95.348.492**	**71.885.377**
- Các khoản điều chỉnh tăng LN chịu thuế TNDN	95.348.492	71.885.377
+ Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	*18.672.912*	
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	*26.029.747*	
+ Chi phí lãi vay (do chưa góp đủ số Vốn điều lệ)	*50.645.833*	*71.885.377*
Tổng thu nhập chịu thuế	**5.461.862.236**	**2.822.705.990**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**1.365.465.559**	**790.357.677**
- Thuế TNDN được giảm theo TT03/2009/BTC	409.639.668	59.276.826
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	955.825.891	731.080.851
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**4.410.687.853**	**2.019.739.762**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.410.687.853	2.019.739.762
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán để xác định LN hoặc lỗ phân bổ cho các Cổ đông sở hữu Cổ phiếu	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	
LN hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu Cổ phiếu phổ thông	4.410.687.853	2.019.739.762
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.064.521	907.377
Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	**4.143**	**2.226**

28. Thông tin với các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Tên đơn vị	Mối quan hệ
Công Ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	Công ty Mẹ
Công Ty TNHH Khai thác và Chế biến Đá Đức Long Gia Lai	Chung Công ty Mẹ

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm:

	Nội dung	31/12/2009 VND
Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	Trả nợ gốc vay	4.000.000.000
	Chi trả lãi vay	1.159.030.783
	Chi phí thuê tài sản	674.779.369
Công ty TNHH Khai thác và Chế biến Đá ĐLGL	Bán xăng, dầu và cung cấp d vụ	580.716.176

c. Số dư với các bên liên quan

	Nội dung	31/12/2009 VND
Công Ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	Phải thu khác	4.027.012.956
	Nợ gốc vay dài hạn đến hạn trả	2.000.000.000
	Nợ gốc vay dài hạn	3.710.908.274
Công Ty TNHH Khai thác và Chế biến Đá ĐLGL	Phải thu khách hàng	256.251.697

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

29. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

30. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi AAC.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Lê Phú Hà	Hà Thị Phương Oanh	Hà Thị Phương Oanh

Gia Lai, ngày 20 tháng 03 năm 2010

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty kiểm toán và kế toán AAC

- Ý kiến kiểm toán độc lập:

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.5113.655.886; Fax: 84.5113.655887
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh
Lầu 5, Tòa nhà Hoàng Đan
47-49 Hoàng Sa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.83.910.2235; Fax: 84.83.910.2349

Số: 572/BCKT-AAC *Đà Nẵng, ngày 07 tháng 4 năm 2010*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông**
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2009, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 23. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY T.N.H.H KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

Phan Xuân Vạn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số Đ.0102/KTV

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0753/KTV

Báo cáo này được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính và các Thuyết minh báo cáo đính kèm Trang 4

- Các nhận xét đặc biệt: (không có)

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: (không có)

- Các nhận xét đặc biệt : (không có)

VII. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty mẹ:

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của DLGL INDPS: Công ty cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai (54,67%).

Tóm tắt tình hình hoạt động: Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai là một Tập đoàn kinh tế tư nhân lớn nhất nhì tại khu vực tỉnh Gia Lai hoạt động đa ngành với cơ cấu tổ chức gần 20 công ty thành viên hoạt động trong các ngành nghề như Chế biến gỗ; trồng rừng và cây công nghiệp; xây dựng công trình giao thông, Xây dựng thủy điện và kinh doanh điện năng; khai thác khoáng sản; sản xuất và chế biến đá Granite; kinh doanh dịch vụ bến xe bãi đỗ; kinh doanh dịch vụ nhà hàng khách sạn; du lịch…

Được thành lập từ tháng 06 năm 2007 trên cơ sở kế thừa truyền thống của XNTD Đức Long. Đức Long Gia Lai luôn định hướng chiến lược phát triển thành tập đoàn kinh tế tư nhân hoạt động đa ngành hàng đầu tại Việt Nam. Hiện tại sản phẩm dịch vụ của Đức Long Gia Lai đã được người tiêu dùng từ khắp nơi đón nhận và được xã hội ghi nhận về chất lượng hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp.

2. Công ty mà DLGL INDPS nắm giữ cổ phần/góp vốn:

- **Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do DLGL INDPS nắm giữ:** không có

- **Công ty có dưới 50% vốn cổ phần/vốn góp do DLGL INDPS nắm giữ:** Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc.

3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ
1	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc	DLGL INDPS nắm giữ 31,67% vốn điều lệ

4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan:

- **Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc (Đức Long Bảo Lộc):**

  - Đức Long Bảo Lộc được thành lập vào ngày 23 tháng 06 năm 2008 trên cở sở góp vốn của các tổ chức, cá nhân với các ngành nghề kinh doanh như:

    - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.
    - Vận tải hành khách công cộng bằng xe bus, vận tải hành khách theo tuyến cố định.
    - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
    - Đầu tư xây dựng bến bãi.
    - Kinh doanh ịch vụ ăn uống.
    - Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.
    - Đại lý mua bán chất bôi trơn và làm sạch động cơ.
    - Dịch vụ lưu trú

- Buôn bán tổng hợp.
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ…

- Vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 10 tỷ đồng và đăng ký thay đổi lần thứ nhất là 12 tỷ đồng.
- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Lộc Sơn, thị xã Bỏ Lộc, tỉnh Lâm Đồng
- Trong năm 2009 Đức Long Bảo Lộc chủ yếu hoạt động đầu tư xây dựng bến xe liên tỉnh Đức Long Bảo Lộc và dự kiến sẽ đưa vào khai thác vận hành bến xe này vào đầu quý 3 năm 2010.

VIII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

1. Cơ cấu tổ chức của DLGL INDPS:

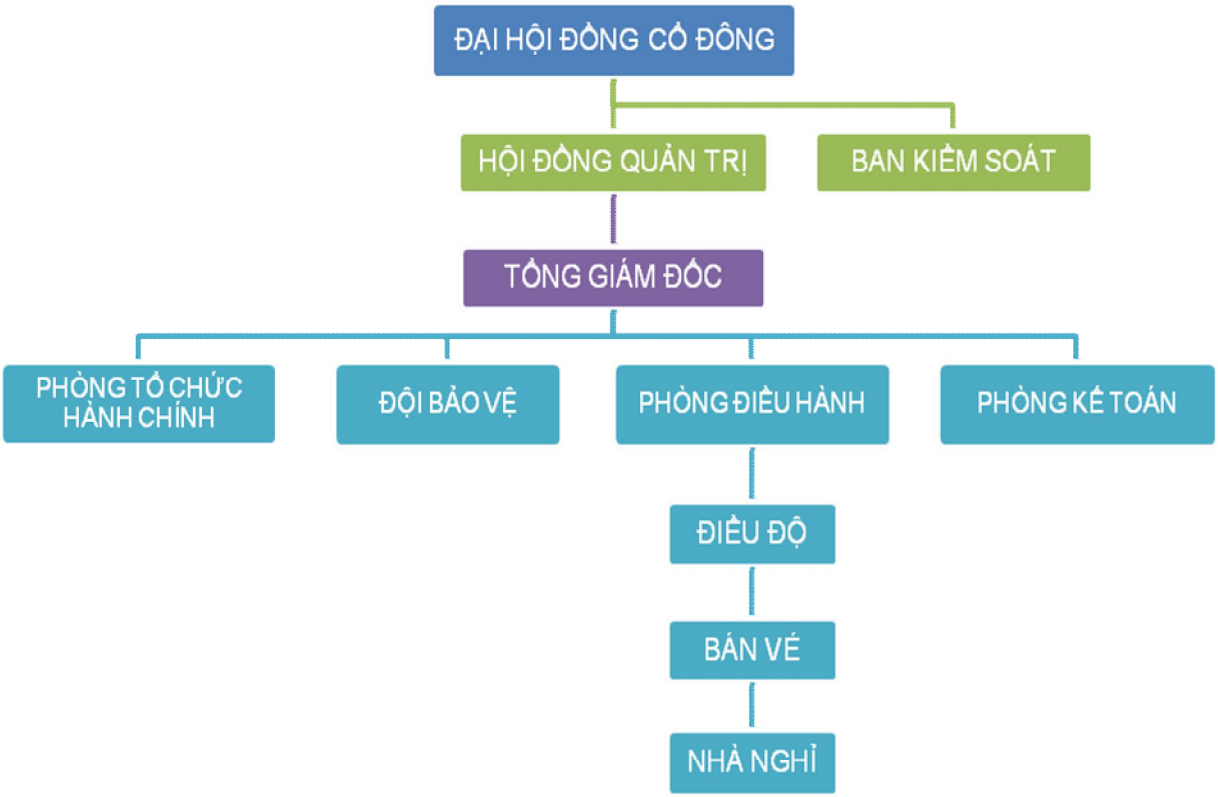

2. **Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:**

- **Ông Nguyễn Đình Trạc – Chủ tịch hội đồng quản trị**
  - Năm sinh: 20/06/1957.
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
  - Ngoại ngữ: Tiếng Anh.
  - Tóm tắt quá trình công tác: Ông Nguyễn Đình Trạc từng đảm nhận các chức vụ như Kế toán trưởng Lâm trường An Hội – An Khê và KKT công ty trồng rừng nguyên liệu Gia Lai; Giám đốc sản xuất Xí nghiệp tư doanh Đức Long Gia Lai; Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính, Phó tổng giám đốc thường trực Tập đoàn Đức Long Gia Lai,Ông được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai từ ngày 16/01/2010. Ông là cổ đông sáng lập, thành viên hội đồng quản trị của DLGL INDPS. Ông được Bổ nhiệm làm Chủ tịch hội đồng quản trị của DLGL INDPS từ tháng 11 năm 2009.

- **Ông Lê Phú Hà – Giám đốc**
  - Năm sinh: 20/08/1963.
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư giao thông vận tải
  - Ngoại ngữ: Tiếng Anh.
  - Tóm tắt quá trình công tác: Ông Lê Phú Hà từng đảm nhận các chức vụ như Trưởng phòng kế hoạch điều độ, Phó giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai. Ông được bổ nhiệm làm giám đốc Công ty ngày 08/02/2009.

- **Ông Lê Hoàng Ngọc – Phó giám đốc.**

- Năm sinh: 02/12/1981
- Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Trung cấp kinh tế vận tải.
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Quá trình công tác: Ông lê Hoàng Ngọc là người có kinh nghiệm trong ngành từ năm 2005, ông từng làm việc tại phòng kế hoạch điều độ của bến xe Đức Long Gia Lai (cũ). Ông được bổ nhiệm làm phó giám đốc của DLGL INDPS từ năm 2008.

3. **Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm:** Ngày 08/02/2009 ông Lê Phú Hà được bổ nhiệm làm giám đốc DLGL INDPS thay cho ông Đỗ Chiến Đấu.
4. **Quyền lợi của Ban Giám đốc:** Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc

    - Lương Giám đốc trung bình : 6.000.000 đồng.
    - Lương Phó giám đốc Trung bình : 4.000.000 đồng
    - Thưởng theo quy chế trả lương, thưởng của Công ty và trích từ quỹ khen thưởng phúc lợi.
    - Thưởng Ban điều hành: Tổng tiền thưởng cho Ban điều hành không quá 2% LNST nếu đạt được kế hoạch do ĐHĐCĐ giao và theo quy chế của Công ty.

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Tổng số lượng Cán bộ nhân viên trong toàn công ty tính đến 31/12/2009 là 100 người.

Công ty luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Pháp luật về lao động. Mức lương bình quân của toàn

thể cán bộ nhân viên Công ty năm 2009 là 1,7 triệu đồng/người/tháng. Thu nhập bình quân hàng tháng là 2 triệu đồng/người/tháng.

6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:

- **Thay đổi chức danh của thành viên Hội đồng quản trị:**

1. Ngày 21/12/2007, Công ty được thành lập và số thành viên HĐQT như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH
1	Võ Châu Hoàng	Chủ tịch
2	Bùi Pháp	Thành viên
3	Phạm Trưng	Thành viên
4	Đỗ Thanh	Thành viên

2. Ngày 08/02/2009. số thành viên HĐQT và chức danh được thay đổi như sau: (Căn cứ QĐ số 95/09/Q Đ-HĐQT-BXDLGL ngày 08/02/2009)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH
1	Ông Đỗ Chiến Đấu	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Võ Châu Hoàng	Phó CT. HĐQT
3	Ông Đỗ Thanh	Ủy viên HĐQT
4	Ông Bùi Pháp	Uỷ viên HĐQT
5	Ông Phạm Trưng	Ủy viên HĐQT

3. Ngày 11/03/2009, số thành viên HĐQT thay đổi như sau: (căn cứ QĐ 160 QĐ-HĐQT, ngày 11/03/2009)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH
1	Ông Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Đình Trạc	Ủy viên HĐQT
3	Ông Võ Châu Hoàng	Ủy viên HĐQT
4	Ông Đỗ Chiến Đấu	Uỷ viên HĐQT

5	Ông Lê Phú Hà	Ủy viên HĐQT

4. Ngày 27/11/2009, chức danh các thành viên HĐQT được thay đổi như sau:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH
1	Ông Nguyễn Đình Trạc	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Bùi Pháp	Ủy viên HĐQT
3	Ông Võ Châu Hoàng	Ủy viên HĐQT
4	Ông Đỗ Chiến Đấu	Uỷ viên HĐQT
5	Ông Lê Phú Hà	Ủy viên HĐQT

- **Thay đổi giám đốc Công ty:** từ ngày 08/02/2009, ông Lê Phú Hà thay thế ông Đỗ Chiến Đấu đảm nhận chức vụ Giám đốc công ty.

IX. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị, Chủ tịch và Ban kiểm soát:

❖ ***Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:***

Hội đồng quản trị Công ty năm 2009 gồm 5 người trong đó có 1 thành viên điều hành và 4 thành viên độc lập không điều hành. Cụ thể:

- Thành viên HĐQT không tham gia điều hành:

1. Ông Nguyễn Đình Trạc – Chủ tịch HĐQT chuyên trách;
2. Ông Bùi Pháp – Thành viên độc lập không điều hành.
3. Ông Võ Châu Hoàng – Thành viên độc lập không điều hành.
4. Ông Đỗ Chiến Đấu – Thành viên chuyên trách.

- Thành viên HĐQT tham gia điều hành:

1. Ông Lê Phú Hà – Thành viên HĐQT – Giám đốc

❖ ***Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:***

Ban kiểm soát của công ty năm 2009 gồm 3 người, đều là thành viên chuyên trách. Bao gồm:

1. Bà Trần Thi Kim Cúc – Trưởng Ban kiểm soát – chuyên trách;
2. Ông Lê Hoài Nhân – thành viên chuyên trách;
3. Ông Phạm Tiến Dũng – thành viên chuyên trách

❖ **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2009, Hội đồng quản trị Công ty đã thể hiện tốt vai trò đầu tàu lãnh đạo về đường lối chủ trương phát triển của công ty, HĐQT đã thực hiện tốt chế độ hội họp, sinh hoạt theo quy đinh. Các thành viên HĐQT của Công ty đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp quan trọng của Ban điêu hành v/v chuẩn bị các báo đề xuất, các dự án trinh HĐQT; triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ hàng tháng của Công ty.
- Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp chuyên đề về xây dựng và giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách nhân viên, lương, thưởng, xây dựng – hoàn thiện các quy trình quản lý chất lượng và an toàn giao thông…
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các văn bản, báo cáo của Ban điều hành gửi HĐQT.

Cụ thể, trong năm 2009, HĐQT đã tiến hành 4 cuộc họp định kỳ hàng quý và 5 cuộc họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trên cơ sở Nghị quyết của các cuộc họp HĐQT, HĐQT đã ban hành các Quyết định/nghị quyết làm cơ sở cho Giám đốc triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh. Các vấn đề lớn đã được xem xét và phê duyệt như sau:

- Phê duyệt việc đầu tư thêm 06 chiếc xe bus để phục vụ Festival Cồng Chiêng quốc tế tại Gia Lai và phục vụ vận chuyển hành khách công cộng tại các tuyến nội tỉnh Gia Lai.
- Phê duyệt việc phát hành thêm 550 ngàn cổ phiếu ra công chúng để thực hiện tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng.
- Phê duyệt việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, cụ thể là trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Phê duyệt việc ông Bùi Pháp xin rút khỏi chức vụ Chủ tịch HĐQT và bầu ông Nguyễn Đình Trạc giữ chức vụ này thay cho ông Pháp.
- Phê duyệt quy chế hoạt động của Công ty, quy chế quản trị của Công ty theo tinh thần Quyết định 15 của Bộ Tài chính và một số quy chế khác…
- Phê duyệt các định mức kinh tế áp dụng trong hoạt động kinh doanh của Công ty (định mức tiêu hao xăng dầu cho đội xe buýt, định mức chi phí cho các phòng ban chuyên môn…).
- Phê duyệt các vấn đề về tổ chức nhân sự trong công ty…
- Phê duyệt các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

❖ **Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:**

Các thành viên H ĐQT độc lập không điều hành đều tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia đầy đủ các hoạt động của HĐQT, xem xét,

nghiên cứu và cho ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, làm cơ sơ để HĐQT ban hành các Quyết định/nghị quyết liên quan.

❖ **Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên (ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban nhân sự…):** hiện nay Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Trong kế hoạch năm 2010 công ty sẽ thành lập tiểu ban quản lý cổ đông và tiểu ban đầu tư.

❖ **Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2009, Ban Kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng của mình theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi về công việc của Ban.

Những nội dung cơ bản hoạt động Kiểm soát năm 2009:

➢ **Thực hiện giám sát đối với hoạt động của HĐQT, cụ thể:**

- Hoạt động lãnh đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- Giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty. Trong quá trình lãnh đạo, giám sát Giám đốc về sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn.
- Việc HĐQT giám sát Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất – kinh doanh.

➢ **Thực hiện chức năng giám sát đối với Giám đốc và bộ máy quản lý, cụ thể:**

- Hoạt động điều hành, thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT
- Việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty.
- Việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng, ban hành, thực hiện và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, các quy chế, quy trình quản lý của Công ty…
- Việc thực hiện quy chế phối hợp với HĐQT trong quản lý điều hành…
- Các công tác khác.

❖ **Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:**

Nhu cầu phát triển của DLGL INDPS trong những năm tới sẽ rất cao khi Công ty hoàn thành và đưa vào vận hành các dự án bến xe mới của mình. Để thực hiện hiệu quả trong hoạt động của công ty trong tương lai, DLGL INDPS cần thực hiện các kế hoạch như sau:

- Nâng cao năng lực quản trị điều hành của Ban lãnh đạo.
- Kiện toàn đội ngũ nhân sự, tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự có đủ năng lực chuyên môn và đạo đức lối sống để thực hiện tốt các công việc của Công ty.
- Tăng cường giám sát hoạt động của các phòng ban chuyên môn, thực hiện tiết kiệm, cắt giảm các khoản chi phí không cần thiết để mang lại hiệu quả cao trong công tác sử dụng và nâng cao hiệu quả vốn.
- Chuẩn hóa các quy trình cung cấp dịch vụ, từng bước áp dụng công nghệ quản lý hiện đại theo tiêu chuẩn ISO.
- Tăng cường công tác bảo vệ an ninh để bảo về tài sản và cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty…

❖ Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành:

STT	CHI TIẾT	SỐ NGƯỜI	THU NHẬP BÌNH QUÂN/THÁNG	TỔNG CỘNG NĂM
I	**Hội đồng quản trị**			
1	Chủ tịch	1	5.000.000	60.000.000
2	Thành viên HĐQT không chuyên trách	3	2.000.000	72.000.000
3	Thành viên chuyên trách	1	2.000.000	24.000.000
	Cộng (I)	**5**	**13.000.000**	**156.000.000**
II	**Ban Kiểm soát**			
1	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách	1	3.000.000	36.000.000
2	Thành viên BKS chuyên trách	2	2.000.000	48.000.000
	Cộng (II)	**3**	**7.000.000**	**84.000.000**
	Cộng (I+II)	**8**	**20.000.000**	**240.000.000**

❖ **Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:** 06/10 người.

❖ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT:**

1. Ngày 21/12/2007, Công ty được thành lập và số thành viên HĐQT như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ
1	Võ Châu Hoàng	Chủ tịch	50.000	5%
2	Bùi Pháp **(Đại diện Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia lai)**	Thành viên	820.000	82%
3	Phạm Trưng	Thành viên	30.000	3%
4	Đỗ Thanh	Thành viên	50.000	5%

2. Ngày 08/02/2009. số thành viên HĐQT và chức danh được thay đổi như sau: (Căn cứ QĐ số 95/09/Q Đ-HĐQT-BXDLGL ngày 08/02/2009)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ
1	Ông Đỗ Chiến Đấu	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Ông Võ Châu Hoàng	Phó CT. HĐQT	50.000	5%
3	Ông Đỗ Thanh	Ủy viên HĐQT	50.000	5%
4	Ông Bùi Pháp (Đại diện Công ty cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai)	Uỷ viên HĐQT	820.000	82%
5	Ông Phạm Trưng	Ủy viên HĐQT	30.000	3%

3. Ngày 11/03/2009, số thành viên H ĐQT thay đổi như sau:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ
1	Ông Bùi Pháp (Đại diện Công ty cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai)	Chủ tịch HĐQT	820.000	82%

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ
2	Ông Nguyễn Đình Trạc	Ủy viên HĐQT	70.000	7%
3	Ông Võ Châu Hoàng	Ủy viên HĐQT	0	0%
4	Ông Đỗ Chiến Đấu	Uỷ viên HĐQT	30.000	3%
5	Ông Lê Phú Hà	Ủy viên HĐQT	30.000	3%

4. Ngày 28/11/2009, chức danh các thành viên HĐQT và số cổ phần nắm giữ được thay đổi như sau:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ
1	Ông Nguyễn Đình Trạc	Chủ tịch HĐQT	70.000	4,67%
2	Ông Bùi Pháp (Đại diện Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai)	Ủy viên HĐQT	820.000	54,67%
3	Ông Võ Châu Hoàng	Ủy viên HĐQT	10.500	0,7%
4	Ông Đỗ Chiến Đấu	Uỷ viên HĐQT	31.500	2,1%
5	Ông Lê Phú Hà	Ủy viên HĐQT	31.500	2,1%

❖ **Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:**

Trong năm 2009, các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty không có giao dịch và chuyển nhượng cổ phần.

❖ **Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:** Không có.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

2.1. Cổng đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Không có

2.2. Cổ đông sáng lập:

- **Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông sáng lập:**

Ngày 21/12/2007, Công ty CP Đầu tư – Phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai được thanhg lập và có 4 cổ đông sáng lập. Cụ thể:

STT	Tên cổ đông sáng lập	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần
1	**Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai** **- Đại điện: Ông Bùi Pháp**	820.000	82,00	Phổ thông
2	Ông Đỗ Thanh	50.000	5,00	Phổ thông
3	Ông Phạm Trưng	30.000	3,00	Phổ thông
4	Ông Võ Châu Hoàng	50.000	5,00	Phổ thông
	Tổng cộng	**950.000**	**95,00**	

Ngày 11/03/2009, Công ty có sự thay đổi về thành viên góp vốn (Cổ đông sáng lập) như sau:

STT	Tên cổ đông sáng lập	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần
1	**Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai**	820.000	82,00	Phổ thông

STT	Tên cổ đông sáng lập	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần
	- Đại điện: Ông Bùi Pháp			
2	Nguyễn Đình Trạc	70.000	7,00	Phổ thông
3	Đỗ Chiến Đấu	30.000	3,00	Phổ thông
4	Lê Phú Hà	30.000	3,00	Phổ thông
	Tổng cộng	950.000	95,0	Phổ thông

- Thông tin chi tiết về Cổ đông lớn trong nước:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG	SỐ CỔ PHẦN NẮM GIỮ	TỶ LỆ %
I	**Cổ đông tổ chức**				
1	Công ty cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai - Ông **Bùi Pháp** làm đại diện	Số 2 Đặng Trần Côn, P. Trà Bá, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai	Tập đoàn kinh tế Đa ngành	820.000	54,67
II	**Cổ đông cá nhân**				
	HỌ TÊN	**ĐỊA CHỈ**	**NĂM SINH**	**SỐ CP**	**TỶ LỆ %**
1	Nguyễn Đình Trạc	99 Hai Bà Trưng – Pleiku – Gia Lai	1957	70.000	4,67
2	Đỗ Chiến Đấu	44 Lê Duẩn – Pleiku –	1948	31.500	2,1

		Gia Lai			
3	Lê Phú Hà	1/3 Lê Thánh Tôn – Pleiku – Gia Lai	1963	31.500	2,1

2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài: Không có.

STT	DANH MỤC	SỐ LƯỢNG CP NẮM GIỮ	TỶ LỆ %
1	Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phần có quyền biểu quyết	Không có	0%
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% cổ phần có quyền biểu quyết	Không có	0%
3	Cô đông sở hữu dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	Không có	0%
	Tổng cộng	-	0%

KẾT LUẬN:

Năm 2009 là một năm chứng kiến sự biến động khó lường theo chiều hướng phức tạp của nền kinh tế. Mặc dù vào thời điểm cuối năm nền kinh tế đã có dấu hiệu hồi phục sau khủng hoảng nhưng sự phục hồi trở nên chậm lại khi lần lượt các Chính phủ trên thế giới chấm dứt việc thực hiện các gói kích cầu. Bên cạnh đó là nguy cơ lạm phát tiềm ẩn nên các chính sách vĩ mô đều tập trung vào việc kìm hãm lạm phát. Tình hình kinh tế trong nước cũng không nằm ngoài vòng điều chỉnh như vậy, Chính phủ chính thức chấm dứt gói kích cầu lần thứ nhất, dừng hẳn việc cho các doanh nghiệp vay ngắn hạn trong gói hỗ trợ lãi suất… Ngân hàng Nhà nước thực hiện thắt chặt tiền tề bằng cách nâng cao lãi suất cơ bản; giá vàng trong nước và thế giới không ngừng tăng đột biến; giá xăng dầu, giá điện tăng đã làm cho chi phí sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tăng thêm và lợi nhuận giảm đi trầm trọng.

Trước những khó khăn thách thức đó, toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã không ngừng nỗ lực cố gắng, đoàn kết đồng lòng để đưa sự nghiệp phát triển của Công ty lên tầm cao mới. Trong năm 2009, công ty đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong sản suất kinh doanh và hội nhập. Cụ thể là Công ty đã phát hành thành công 550.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng; Công ty đã trở thành Công ty đại chúng và chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nôi.

Về tình hình tài chính, năm 2009 Công ty đạt Doanh thu hơn 15,3 tỷ đồng và Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 4,4 tỷ đồng. Trong năm công ty đã đóng góp cho Ngân sách Nhà nước gần 1 tỷ đồng đồng thời giải quyết công ăn việc làm thường xuyên cho 100 lao động. Hiện nay chất lượng sản phẩm dịch vụ của Công ty đang được xã hội và cộng đồng chấp nhận. Công ty sẽ cố gắng phấn đấu duy trì và phát huy truyền thống của mình để đưa tầm phát triển của Công ty lên một tầm cao hơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
NGUYỄN ĐÌNH TRẠC